

Bản án số: 76/2021/DS-ST

Ngày: 30-6-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hóa;

Ông Nguyễn Ngọc Phán.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 14, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 3 (xóm N), xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15-3-2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Do quan hệ quen biết nên bà đã nhiều lần cho chị Vũ Thị T vay tiền với tổng số tiền là 486.000.000đ (Bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng), cụ thể:

- Ngày 16/4/2017 âm lịch cho vay số tiền 20.000.000 đồng.

- Ngày 21/4/2017 âm lịch cho vay số tiền 70.000.000 đồng.

- Ngày 30/6 nhuận năm 2017 âm lịch cho vay số tiền 90.000.000 đồng nhưng đến ngày 30/4/2019 âm lịch chị T đã trả gốc 10.000.000 đồng, còn nợ 80.000.000 đồng.

- Ngày 14/01/2019 âm lịch cho vay 20.000.000 đồng và ngày 14/7/2019 chị T vay thêm 10.000.000 đồng.
- Ngày 22/8/2019 âm lịch cho vay 90.000.000 đồng.
- Ngày 28/12/2019 âm lịch cho vay số tiền 60.000.000 đồng.
- Ngày 21/01/2020 âm lịch cho vay số tiền 40.000.000 đồng.
- Ngày 05/01/2021 chị Vũ Thị T nợ bà tiền hội nên bà đã yêu cầu chị T viết giấy biên nhận vay số tiền nợ hội là 96.000.000 đồng.

Tất cả lần vay trên chị T đều tự viết giấy biên nhận, ký tên đưa bản gốc cho bà giữ; giấy biên nhận không ghi thời hạn trả nợ và lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng lãi 1%/tháng; lý do vay chị T nói để đáo nợ Ngân hàng, trả nợ cho người khác và chi tiêu sửa nhà. Sau khi vay, chị T trả lãi đến tháng 07/2020 thì không trả nữa, do không ghi chép nên bà không nhớ đã nhận bao nhiêu tiền lãi.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chị Vũ Thị T trả cho bà 486.000.000 đồng tiền gốc, bà không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn là chị Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không hợp tác làm việc với Tòa án, chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Vũ Thị T; buộc chị Vũ Thị T trả cho bà Vũ Thị T 486.000.000 đồng tiền gốc. Chị T phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu chị Vũ Thị T trả nợ tiền vay; đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Vũ Thị T có địa chỉ cư trú tại xóm 3 (xóm N), xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Vũ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[3.1] Nguyên đơn bà Vũ Thị T yêu cầu chị Vũ Thị T trả nợ tiền gốc vay là 486.000.000đ (Bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng). Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là bản gốc các giấy biên nhận viết tay ghi các ngày 16/4/2017 âm lịch, 21/4/2017 âm lịch, 30/6 nhuận năm 2017 âm lịch, 14/01/2019 âm lịch, 14/7/2019, 22/8/2019 âm lịch, 28/12/2019 âm lịch, 21/01/2020 âm lịch và 05/01/2021; các giấy biên nhận đều có chữ ký ghi tên người vay là Vũ Thị T có địa chỉ thường trú: xóm 3, xã H. Bị đơn chị Vũ Thị T mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bằng các hình thức tổng đạt niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[3.2] Theo các giấy biên nhận vay tiền do bà Vũ Thị T cung cấp là các bản gốc viết tay thể hiện người vay tiền là chị Vũ Thị T có địa chỉ thường trú tại xóm 3, xã H đã vay tiền của bà Vũ Thị T nhiều lần với tổng số tiền gốc đã vay là 486.000.000đ (Bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng). Như vậy có cơ sở xác định giữa bà Vũ Thị T và chị Vũ Thị T đã có giao dịch hợp đồng vay tài sản không xác định thời hạn theo quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà T khai đã đòi nợ nhiều lần nhưng chị T không trả nợ, chị T bỏ đi khỏi nơi cư trú và còn giấu số điện thoại không liên lạc với bà T để giải quyết nợ. Đến nay không có tài liệu, chứng cứ chứng minh chị T đã trả nợ tiền vay cho bà T. Do đó căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc chị Vũ Thị T trả nợ cho bà Vũ Thị T số tiền gốc là 486.000.000đ (Bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng) theo yêu cầu của bà T là phù hợp pháp luật.

[3.3] Về lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị T bổ sung yêu cầu chị Vũ Thị T phải trả lãi theo mức lãi suất 1%/tháng, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2021 bà T thay đổi ý kiến không yêu cầu trả lãi nữa. Do đó không xem xét về lãi.

[4] Về án phí: Bị đơn chị Vũ Thị T có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Vũ Thị T.

Buộc chị Vũ Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị T số tiền gốc là 486.000.000đ (Bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Vũ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 23.440.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trả lại bà Vũ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.900.000đ (Năm triệu chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0002545 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự: 03 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên